

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần						ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ				SỐ			CHỮ		
				10%					30%	60%	100%			
					1 1									
1	1912211607	Hoàng Thái Việt Ái	N19KDN	8	7.5	6			6.8	5.0	5.8	Năm phẩy Tám		
2	1912211608	Võ Thị Đường An	N19KDN	8	7	7			7.0	6.0	6.5	Sáu phẩy Năm		
3	1912211612	Trần Thị Bá Châu	N19KDN	8	6	7			6.5	6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
4	1813219500	Nguyễn Thành Đồng	N19KDN	8	7	8			7.5	6.5	7.0	Bảy		
5	1912211614	Vương Thị Kim Dung	N19KDN	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP	
6	1912211618	Nguyễn Thị Hoàng Hậu	N19KDN	9	6.5	6.5			6.5	5.0	5.9	Năm phẩy Chín		
7	1912211619	Trần Thị Thu Hiền	N19KDN	6	6	6			6.0	7.0	6.6	Sáu phẩy Sáu		
8	1912211620	Nguyễn Thị Ánh Hồng	N19KDN	6	6	7			6.5	6.0	6.2	Sáu phẩy Hai		
9	1912211622	Nguyễn Ngọc Như Hương	N19KDN	8	7	6			6.5	6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
10	1812219532	Nguyễn Thị Hương Lan	N19KDN	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP	
11	1912211625	Hoàng Thị Thùy Linh	N19KDN	9	7	6			6.5	6.0	6.5	Sáu phẩy Năm		
12	1913211628	Nguyễn Huy Mạnh	N19KDN	9	7.5	7			7.3	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy		
13	1812219544	Huỳnh Hà Minh	N19KDN	9	8	8.5			8.3	8.0	8.2	Tám phẩy Hai		
14	1812219549	Mai Thị Tuyết Nga	N19KDN	6	6	6			6.0	6.0	6.0	Sáu		
15	1912211630	Nguyễn Thị Tường Oanh	N19KDN	7	7.5	6			6.8	5.5	6.0	Sáu		
16	1913211631	Trần Đình Pháp	N19KDN	9	7.5	6			6.8	5.0	5.9	Năm phẩy Chín		
17	1913211632	Văn Phú Phi	N19KDN	9	6.5	7			6.8	8.0	7.7	Bảy phẩy Bảy		
18	1820231972	Hoàng Thị Khánh Phương	N19KDN	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,	
19	1913211637	Hồ Xuân Tín	N19KDN	8	7	8			7.5	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín		
20	1912211638	Nguyễn Thị Duy Trâm	N19KDN	7	8	6			7.0	5.0	5.8	Năm phẩy Tám		
21	1912211639	Lê Hoàng Huyền Trang	N19KDN	8	7	7			7.0	6.0	6.5	Sáu phẩy Năm		
22	1913211640	Nguyễn Hữu Trung	N19KDN	9	8	8.5			8.3	7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu		
23	1913211641	Đặng Xuân Trường	N19KDN	8	7.5	7			7.3	5.0	6.0	Sáu		
24	1912211642	Nguyễn Lê Phương Uyên	N19KDN	7	7	7			7.0	5.5	6.1	Sáu phẩy Một		
25	1912211643	Trần Thị Thúy Vân	N19KDN	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP	
26	1912211644	Nguyễn Thị Ánh Vi	N19KDN	8	7.5	6			6.8	5.5	6.1	Sáu phẩy Một		
1	1913111566	Nguyễn Viết Hồng Linh	N19TPM	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP	
2	1913111590	Nguyễn Mạnh Tiến	N19TPM	8	7.5	6.5			7.0	6.0	6.5	Sáu phẩy Năm	23258	
3	1913111563	Nguyễn Văn Huy	N19TPM	8	6	6.5			6.3	5.0	5.7	Năm phẩy Bảy	24577	
4	1913111602	Nguyễn Thành Vinh	N19TPM	8	6.5	7			6.8	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	23257	
5	1913111571	Trần Văn Nghiêm	N19TPM	9	7	8.5			7.8	7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	23259	
6	1813719052	Trần Văn Định	N18DLK	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, 23986	
7	1813119387	Nguyễn Hồng Khoa	N18TPM	8	6.5	7			6.8	2.0	0.0	Không	29346	
8	1813719119	Nguyễn Xuân Sơn Lâm	N19DLK	8	7.5	7			7.3	5.0	6.0	Sáu	23961	
9	1913711414	Phạm Thanh Chi	N19DLK	8	7	6.5			6.8	5.0	5.8	Năm phẩy Tám	23252	
10	1813719186	Lê Hồng Phúc	N19DLK	8	7	6			6.5	2.0	0.0	Không	23977	
11	1913711509	Nguyễn Tiến Thôi	N19DLK	8	7	6.5			6.8	2.0	0.0	Không	23973	
12	1913711487	Phạm Đức Phước	N19DLK	8	7	7			7.0	6.0	6.5	Sáu phẩy Năm	23967	
13	1912711401	Nguyễn Thị Phương Ngọc	N19DLK	6	8	7			7.5	7.0	7.1	Bảy phẩy Một	36383	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
14	1912711416	Thân Thị Thảo Chi	N19DLK	9	6.5	7.5			7.0	5.0	6.0	Sáu	23239
15	1912711508	Hà Thị Thanh Thoa	N19DLK	7	7	0			3.5	CT	0.0	Không	Cấm thi, 23238
16	1913711427	Lê Phạm Quang Duy	N19DLK	8	7	7			7.0	6.0	6.5	Sáu phẩy Năm	23254
17	1813119349	Lê Đức	N19DLK	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, 24581
18	1913711477	Phạm Văn Nhân	N19DLK	8	7	7			7.0	5.0	5.9	Năm phẩy Chín	23998
19	1912711404	Nguyễn Thị Vân Anh	N19DLK	7	7	6			6.5	5.5	6.0	Sáu	23985
20	1913711412	Nguyễn Trần Hoài Bảo	N19DLK	9	8	7			7.5	6.5	7.1	Bảy phẩy Một	29716
21	1912711435	Trần Thu Hà	N19DLK	9	6	6.5			6.3	2.0	0.0	Không	23991
22	1912711407	Mai Thị Phương Anh	N19DLK	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
23	1713719996	Nguyễn Hoàng Nguy Vũ	N19DLK	7	8	8.5			8.3	5.0	6.2	Sáu phẩy Hai	23972
24	1913711452	Trần Duy Khoa	N19DLK	8	6.5	8			7.3	6.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	29730
25	1913711437	Phùng Ngọc Hậu	N19DLK	8	6.5	6			6.3	HP	0.0	Không	HP

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	37	73%	
2	Số sinh viên nợ	14	27%	
TỔNG CỘNG :		51	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 03 năm 2016
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân